

I H C QU C GIA HÀ N I  
TR NG I H C KINH T

---

TR N NG QU NH

PHÁT TRI N TH NG M I BIÊN GI I:  
KINH NGHI M QU C T VÀ M T S HÀM Ý  
I V I VI T NAM

Chuyên ngành: Kinh t Qu c t  
Mã s : 9 31 01 06

LU N ÁN TI NS KINH T QU C T

Ng i h ng d n khoa h c: PGS.TS. Hà V n H i

Hà N i, 2018

# PH N M U

## 1. Tính c p thi t và ý ngh a c a tài lu n án

Ho t ng th ng m i biên gi i ngày càng óng vai trò quan tr ng trong n n kinh t và i s ng dân c biên gi i. Trên th gi i hi n nay, th ng m i biên gi i ã c nhi u qu c gia quan tâm. Các qu c gia i n hình nh Trung Qu c, Thái Lan, M ... ã có nh ng ch ng trình h p tác th ng m i xuyên biên gi i v i các n c láng gi ng t nhi u n m nay. Trong ó, th ng m i biên gi i là m t l nh v c quan tr ng nh t c a ch ng trình h p tác qua biên gi i.

i v i Vi t Nam, th i gian qua, th ng m i biên gi i nói chung là m t b ph n c u thành r t quan tr ng trong h th ng th ng m i n c ta và ngày càng óng vai trò quan tr ng trong n n kinh t và i s ng dân c biên gi i. Chính vì v y, ho t ng th ng m i biên gi i gi a Vi t Nam v i các n c có chung ng biên gi i t li n ngày càng c chú tr ng, quan tâm phát tri n.

M c ã, ho t ng th ng m i biên gi i có b c phát tri n nh t nh, em l i hi u qu kinh t - xã h i r r t t i các khu kinh t c a kh u. Tuy nhiên, TMBG hi n nay c a Vi t Nam còn t n t i nhi u y u t b t n nh thâm h t th ng m i ngày càng cao, xu t kh u biên m u chi m t tr ng còn nh ...Vì v y, vi c tìm ki m các gi i pháp nh m thúc y s phát tri n c a th ng m i biên gi i m t cách b n v ng là v n không ch Chính ph Vi t Nam mà các a ph ng có biên gi i v i các n c Trung Qu c, Lào và Cam-pu-chia c n quan tâm.

th c hi n c m c ích ó, bên c nh vi c n ghiên c u, ánh giá th c tr ng TMBG c a Vi t Nam, tìm ra nguyên nhân c a nh ng t n t i nêu trên có bi n pháp kh c ph c, ghiên c u, tham kh o kinh nghi m phát tri n th ng m i biên gi i t các qu c gia trên th gi i, là h t s c c n thi t. Trong b i c nh ó, NCS. l a ch n tài: ***Phát tri n th ng m i biên gi i: Kinh nghi m qu c t và m t s hàm ý i v i Vi t Nam*** tri n khai Lu n án ti n s chuyên ngành Kinh t qu c t ..

## 2. M c ích và nhi m v ghiên c u

### 2.1. M c ích ghiên c u

Trên c s ghiên c u, lu n gi i các v n lý lu n và th c ti n v phát tri n th ng m i biên gi i c a m t s qu c gia, Lu n án rút

ra nh ng bài h c kinh nghi m quý báu và a ra m t s hàm ý i v i Vi t Nam nh m thúc y s phát tri n th ng m i biên gi i m t cách b n v ng.

## **2.2. Câu h i nghiên c u**

t c m c ích nêu trên, các v n t ra sau ây c n gi i quy t:

- i) S phát tri n c a th ng m i biên gi i nói chung và th ng m i biên gi i c a Vi t Nam nói riêng ch u nh h ng c a nh ng nhân t nào?
- ii) M t s qu c gia trên th gi i có nh ng chính sách và bi n pháp gì phát tri n th ng m i biên gi i?
- iii) Vi t Nam rút ra c bài h c nào t kinh nghi m phát tri n th ng m i biên gi i c a m t s n c?
- iv) Vi t Nam c n ph i th c hi n các bi n pháp gì y m nh s phát tri n c a th ng m i biên gi i?

## **2.3. Nhi m v nghiên c u**

có th gi i quy t th u áo các câu h i nghiên c u nêu trên, Lu n án có nhi m v :

- Lu n gi i s c n thi t, vai trò và các y u t nh h ng n phát tri n th ng m i biên gi i.

- Phân tích, ánh giá và rút ra bài h c kinh nghi m t th c ti n phát th ng m i biên gi i c a m t s qu c gia trên th gi i.

- ánh giá th c tr ng phát tri n (th c ti n và chính sách) phát tri n th ng m i biên gi i gi a Vi t Nam v i các n c láng gi ng nh Trung Qu c, Cam-pu-chia và Lào.

- a ra m t s hàm ý v chính sách nh m thúc y s phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam.

## **3. i t ng và ph m vi nghiên c u**

### **3.1. i t ng nghiên c u**

i t ng nghiên c u c a Lu n án là th c tr ng phát tri n th ng m i biên gi i c a m t s n c nh Trung Qu c, Thái Lan, M và Vi t Nam.

### **3.2. Ph m vi nghiên c u**

• *Ph m vi v th i gian*: Lu n án gi i h n th i gian nghiên c u t u n m 2006 n 2017. Lu n án ch n m c th i gian n m 2006 là do n m 2006, Th t ng chính ph ban hành quy t nh s 254/2006/Q -TTg, ngày 07/11/2006 v qu n lý ho t ng TMBG v i các n c có chung biên gi i.

*Phạm vi không gian:* Luận án chọn ba quốc gia là Trung Quốc, Thái Lan, và Mỹ nghiên cứu

*Phạm vi vấn đề:* Luận án không nghiên cứu phát triển thương mại biên giới trên biển, mà chỉ giới hạn nghiên cứu thương mại biên giới trên đất liền.

#### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Cách tiếp cận nghiên cứu**

###### **4.1.1. Cách tiếp cận theo các lý thuyết thương mại quốc tế**

Luận án tiếp cận nghiên cứu về thương mại biên giới trên các lý thuyết thương mại quốc tế. Bao gồm mô hình lý thuyết cổ điển và hiện đại. Nghiên cứu lý thuyết này là cơ sở cho việc nghiên cứu, đánh giá những tác động kinh tế của Việt Nam trong phát triển thương mại biên giới.

###### **4.1.2. Cách tiếp cận hệ thống**

Luận án nghiên cứu hoạt động thương mại biên giới và chính sách phát triển hoạt động biên giới của các quốc gia bao gồm Trung Quốc, Thái Lan, Mỹ. Các hoạt động thương mại biên giới và chính sách phát triển hoạt động biên giới của các quốc gia có thể trong hệ thống các chính sách phát triển kinh tế nói chung và chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia.

###### **4.1.3. Cách tiếp cận lịch sử**

Mặc dù Luận án tập trung nghiên cứu về thương mại biên giới của Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2017. Tuy nhiên, Luận án sẽ kết hợp phân tích lý luận và phân tích thực tiễn phát triển của hoạt động thương mại biên giới Việt Nam theo chiều dài lịch sử.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

4.2.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp

4.2.2. Phương pháp thống kê, mô tả

4.2.3. Phương pháp so sánh

4.2.4. Phương pháp phân tích tình huống

4.2.5. Phương pháp kết quả

#### **5. Những đóng góp mới của luận án**

Luận án có những đóng góp về lý luận và thực tiễn như sau:

##### **5.1. Những đóng góp về lý luận**

- Trên cơ sở khái niệm về thương mại biên giới, Luận án đã làm nổi bật khái niệm phát triển thương mại biên giới. Thứ nhất, luận giải rõ tính tự nguyện và vai trò của phát triển thương mại biên giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Luận án cũng chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thương mại biên giới và những ưu tiên cần thiết để phát triển thương mại biên giới.

- Bên cạnh đó, các tiêu chí đánh giá sự phát triển của thương mại biên giới cũng được Luận án chỉ rõ và trở thành khung khổ phân tích của Luận án.

### **5.1. Những đóng góp về thực tiễn**

- Trên cơ sở phân tích chính sách và thực trạng phát triển thương mại biên giới của một số nước như Trung Quốc, Thái Lan và Mông Cổ, Luận án đã đánh giá, so sánh chính sách phát triển thương mại biên giới của các nước này, từ đó rút ra những bài học thành công và chia sẻ thành công.

- Bằng những phân tích mang tính khái quát về quan điểm, chính sách của Việt Nam trong phát triển thương mại biên giới, Luận án đã đánh giá những kết quả tích cực, những hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, kết hợp với bài học kinh nghiệm phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc, Thái Lan và Mông Cổ, đề xuất những hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển thương mại biên giới của Việt Nam.

### **6. Kết luận**

Ngoài mục lục, Luận án kết cấu thành 04 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án.

Chương 2. Cơ sở lý luận về phát triển thương mại biên giới.

Chương 3. Phát triển thương mại biên giới của một số nước trên thế giới.

Chương 4. Bài học kinh nghiệm về phát triển thương mại biên giới và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

# CHƯƠNG 1. TÍNH QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN TÀI LUẬN ÁN

## 1.1. Nội dung tính quan

Liên quan nghiên cứu trong và ngoài nước được phân theo các nhóm như sau:

### 1.1.1. Các công trình nghiên cứu trên góc độ lý luận và thực tiễn

### 1.1.2. Các nghiên cứu về thực tiễn phát triển thực tiễn

### 1.1.3. Các công trình nghiên cứu về thực tiễn phát triển thực tiễn

## 1.2. Đánh giá các công trình nghiên cứu

### 1.2.1. Nhận xét về các công trình nghiên cứu

Theo nội dung mà Luận án đã tính quan trên, đã có nhiều nghiên cứu về thực tiễn trên các góc độ lý luận và thực tiễn. Về lý luận: Hầu hết các tài liệu mà Luận án tính quan đã phân định các phương pháp nghiên cứu nhằm làm rõ vai trò, chức năng của thực tiễn. Về thực tiễn: các nghiên cứu nêu trên đã phân nào làm rõ tầm quan trọng của chỉ số thực tiễn về thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập và liên kết kinh tế quốc tế ngày càng gia tăng. Đây là nhận xét về nghiên cứu thực tiễn mà Luận án có thể thấy được triển khai nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

### 1.2.2. Khoảng trống nghiên cứu và nhiệm vụ đặt ra cho Luận án

Thứ nhất, mặc dù một số công trình nghiên cứu mà Luận án tính quan đã phân định nghiên cứu về thực tiễn nêu trên. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có các nghiên cứu về vấn đề lý thuyết phát triển kinh tế thực tiễn và mô hình thực tiễn trong khi đây là yếu tố quan trọng về cơ chế chỉ số kinh tế thực tiễn.

Thứ hai, các nghiên cứu về thực tiễn hầu như chưa có sự phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn, đó, có những xu hướng nghiên cứu chính sách, biện pháp phù hợp nhằm thúc đẩy thực tiễn. Đây cũng là một trong những “khoảng trống” mà Luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ ba, việc phân tích, đánh giá về mô hình, phương thức, nội

dung và chỉ n l c phát tri n th ng m i biên gi i c a m t s n c trên th gi i nh Trung Qu c, Thái Lan, Hoa k ... u ch d ng l i vi c mô t th c tr ng c a th ng m i biên gi i, mà ch a ánh giá s phát tri n th ng m i biên gi i c a các n c này trên các tiêu chí c th . i u này c ng t ra nhi m v cho Lu n án là ph i xây d ng các tiêu chí ánh giá s phát tri n th ng m i biên gi i c a m t qu c gia. T ó, áp d ng các tiêu chí này ánh giá s phát tri n th ng m i biên gi i c a các n c mà Lu n án l a ch n nh : Thái Lan, Trung Qu c, Hoa K .

*Th t* , t i Vi t Nam c ng ã có khá nhi u công trình nghiên c u v th ng m i biên gi i c a Vi t Nam. Tuy nhiên, c ng nh m t s công trình nghiên c u th ng m i biên gi i c a m t s n c, các công trình nghiên c u v th ng m i biên gi i c a Vi t Nam c ng m i d ng l i vi c mô t , c ng nh ánh giá th c tr ng th ng m i biên gi i c a Vi t Nam, mà ch a có s phân tích, ánh giá s phát tri n th ng m i biên gi i theo nh ng tiêu chí c th . ng th i, c ng ch a có công trình nào nghiên c u kinh nghi m qu c t v phát tri n th ng m i biên gi i a ra nh ng g i ý v chính sách cho Vi t Nam, nh m góp ph n thúc y s phát tri n th ng m i biên gi i trong t ng lai. ây c ng chính là “*kho ng tr ng*” mà Lu n án c n ti p t c nghiên c u.

## CHƯƠNG 2. C S LÝ LUẬN VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

### 2.1. Khái niệm và đặc điểm của thương mại biên giới

#### 2.1.1. Các khái niệm liên quan đến phát triển thương mại biên giới

##### 2.1.1.1. Buôn bán biên mậu và trao đổi hàng hóa của dân cư biên giới

Còn buôn bán biên mậu, thương mại cũ là áp dụng cho những cá nhân, doanh nghiệp có ngành kinh doanh, mã số thuế và phải làm thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu trước khi ra hàng hóa qua biên giới nước có chung đường biên.

##### 2.1.1.2. Khái niệm thương mại biên giới

Thương mại biên giới chính là một bộ phận của thương mại nói chung của một quốc gia và đặc biệt là các doanh nghiệp các hộ gia đình và cư dân sinh sống khu vực biên giới, thông qua các hình thức XNK hàng hóa và dịch vụ, tái xuất, quá cảnh hàng hóa.

##### 2.1.1.3. Khái niệm phát triển thương mại biên giới

Phát triển TMBC của một quốc gia là quá trình không ngừng mở rộng quy mô, nâng cấp trình độ và chuyển đổi cơ cấu TMBC của một nước theo chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động trao đổi, mua bán sản phẩm, hàng hóa giữa các nước này với một nước khác có chung đường biên giới.

#### 2.1.2. Đặc điểm của thương mại biên giới

*Thứ nhất*, thương mại biên giới mang tính địa phương, khu vực.

*Thứ hai*, chủ thể tham gia hoạt động thương mại biên giới: bao gồm thương nhân và cư dân biên giới.

*Thứ ba*, về hàng hóa. Trong hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới, cơ cấu hàng hóa trao đổi rất phong phú, đa dạng có vẻ như lo ngại nhập mậu.

*Thứ tư*, thương mại biên giới mang tính bổ sung lẫn nhau.

*Thứ năm*, phương thức trao đổi hàng hóa là chủ yếu.

#### 2.2. Các lý thuyết liên quan đến thương mại biên giới

Theo tiến trình phát triển của lịch sử, các lý thuyết thương mại ngày càng phát triển theo xu hướng phát triển kinh tế xã hội. Các lý thuyết thương mại quốc tế thì hình thức và phát triển của lý

thuyết sau so với lý thuyết trước, có tính khoa học ngày càng cao và càng gần với thực tiễn hơn các lý thuyết trước đó.

- Lý thuyết lợi ích tuyệt đối của Adam Smith
- Lý thuyết lợi ích so sánh của David Ricardo
- Lý thuyết Heckscher - Ohlin và lợi ích so sánh
- Lý thuyết vận động lực cạnh tranh quốc gia
- Các lý thuyết hình thành kinh tế khu vực và hình thức tác động qua biên giới

### **2.3. Tính tự ty và vai trò của phát triển thị trường mở biên giới**

#### **2.3.1. Tính tự ty khách quan của phát triển thị trường mở biên giới**

Sự hình thành và phát triển thị trường mở biên giới là hiện tượng tự nhiên của lịch sử.

Sự hình thành của các khu vực mở cửa tự do, cùng với chính sách mở cửa biên giới đã tạo ra những hình thức các khu kinh tế phát triển phần lớn như các khu kinh tế trên khu vực biên giới.

Phát triển thị trường mở biên giới là một trong những bước đi ưu tiên của quá trình tự do hóa thị trường khu vực.

Phát triển thị trường mở biên giới là một nội dung quan trọng của chính sách kinh tế quốc gia, kinh tế khu vực của Việt Nam cũng như của Lào trong xu hướng hợp tác và hình thành, tự do hóa tự do và thị trường mở.

#### **2.3.2. Vai trò của phát triển thị trường mở biên giới trong bối cảnh hình thành kinh tế quốc gia**

- Phát triển thị trường mở biên giới là động lực thúc đẩy phát triển thương mại, phát triển sản xuất hàng hóa, tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

- Phát triển thị trường mở biên giới, góp phần thúc đẩy thương mại trong nội địa và thương mại quốc tế chung và biên giới.

- Phát triển thị trường mở biên giới góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước,

- Phát triển TMBG góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai quốc gia láng giềng.

- Hoạt động thị trường mở biên giới tạo ra những cơ hội có lợi cho các chính sách xã hội khu vực biên giới, đó là những chính sách phát triển nâng cao đời sống của nhân dân các tỉnh biên giới.

- Sự phát triển của thị trường mở biên giới cũng bị tác động bởi các khu kinh tế của khu thu hút các doanh nghiệp thu hút vốn đầu tư thành phần kinh tế.

## **2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thương mại biên giới**

Thương mại biên giới chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau đây:

2.4.1. Các yếu tố chính trị - an ninh - quốc phòng

2.4.2. Các yếu tố kinh tế

2.4.3. Các yếu tố văn hóa - xã hội

2.4.4. Các yếu tố tự nhiên

2.4.5. Cấu trúc thị trường khu vực biên giới

2.4.6. Năng lực cạnh tranh của các chủ thể tham gia thương mại biên giới

2.4.7. Bối cảnh kinh tế thế giới xu hướng hợp tác kinh tế khu vực

2.4.8. Chiến lược phát triển kinh tế của các nước láng giềng

2.4.9. Mối quan hệ kinh tế - chính trị với nước láng giềng

## **2.5. Các chỉ số đánh giá phát triển thương mại biên giới**

Phát triển của thương mại biên giới phụ thuộc vào một số chỉ số như sau:

- Chỉ số khu vực khung khổ pháp lý và chính sách văn mô

- Chỉ số khu vực cấu trúc

- Chỉ số khu vực nguồn hàng

- Chỉ số khu vực quan hệ giữa hai nước

## **2.6. Các tiêu chí đánh giá sự phát triển của thương mại biên giới**

Sự phát triển thương mại biên giới, có thể đánh giá dựa trên một số tiêu chí sau đây:

+ Tăng trưởng quy mô, kim ngạch trao đổi qua biên giới

+ Sự chuyển đổi cơ cấu mặt hàng hóa trao đổi qua biên giới

+ Sự đa dạng trong phương thức trao đổi hàng hóa qua biên giới

+ Chất lượng hàng hóa trao đổi qua biên giới

+ Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới

## CHƯƠNG 3. PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI CẢ MẶT SẴN CTRÊN THỊ GIỚI

### 3.1. Phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc

#### 3.1.1. Tiềm năng và ưu tiên phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc

Trung Quốc có ưu tiên các khoản đầu tư cho hoạt động thương mại biên giới như có đường biên giới dài nhất thế giới với 22.800 km tiếp giáp 14 quốc gia láng giềng Bắc Triều Tiên, Nga, Mông Cổ, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Afghanistan, Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Bhutan, Myanmar, Lào, Việt Nam.

Ngay từ cuối những năm 80, Trung Quốc đã coi trọng thương mại biên giới là “điểm phát khởi” và lĩnh vực này ngày càng phát triển.

#### 3.1.2. Chính sách phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc

Hiện nay, Trung Quốc chưa có một hệ thống chính sách thương mại biên giới hoàn chỉnh mà chỉ dựa trên những quy định phát luật hiện hành trong khuôn lý thương mại nói chung. Theo đó, Trung Quốc phân ra hai dạng chính sách quản lý các quốc gia và quản lý các hợp phần kinh tế nhằm hướng tới mục tiêu phân cấp quản lý và áp dụng.

##### 3.1.2.1. Chính sách thúc đẩy thương mại biên giới với các nước láng giềng.

Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần đàm phán với Nga, nhằm giảm bớt hàng rào thuế quan và phí thuế quan trong trao đổi hàng hóa qua biên giới, nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động này.

Với Mông Cổ, Trung Quốc đã đưa vào chiến lược phát triển kinh tế với Mông Cổ cùng với chiến lược “Mặt vành đai mới con đường” và chương trình yểm trợ các phía Bắc xây dựng hệ thống chính sách hợp tác kinh tế lâu dài với quốc gia này.

Với Triều Tiên, trước đây, Trung Quốc áp dụng chính sách quản lý thương mại nói chung cho các hoạt động thương mại biên giới, tuy nhiên, trên thực tế đã nảy sinh nhiều bất cập, khi những hoạt động thương mại biên giới gặp nhiều khó khăn.

##### 3.1.2.2. Khuyến khích các doanh nghiệp qua biên giới

Chính sách phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc với Nga, Chính phủ Trung Quốc đã chú trọng những hướng đi chiến lược khuyến khích xuất khẩu sang thị trường Nga: gia tăng xuất khẩu

các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hàm lượng công nghệ cao, tăng kim ngạch xuất khẩu và thương mại dịch vụ.

Việt Nam trong Cộng đồng, thị trường qua, mặt trong những lĩnh vực hợp tác kinh tế biên giới quan trọng nhất giữa hai nước là khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đây được coi là điểm sáng trong thương mại biên giới Trung Quốc - Việt Nam.

### 3.1.2.3. *Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng*

Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng việc phát triển cơ sở hạ tầng biên giới, coi đó là tiền đề cho sự phát triển thương mại biên giới. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng mạng lưới giao thông vận tải đường bộ, đường sắt biên giới, đường cao tốc, đường thủy nội địa và đường hàng không, liên tục các chính phủ Trung Quốc và Việt Nam, nâng cấp đường sắt, các công trình chính quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản tại khu vực cửa khẩu vào quy hoạch phát triển cửa khẩu biên giới.

### 3.1.2.4. *Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới*

Thứ nhất, hỗ trợ thanh toán.

Thứ hai, cung cấp dịch vụ bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Thứ ba, lập kho ngoại quan Logistics tại các thị trường biên giới Trung - Việt Nam.

Thứ tư, tổ chức các Hội chợ thương mại biên giới thị trường.

Thứ năm, xây dựng quan hệ thanh toán giữa các ngân hàng.

## 3.1.3. **Thị trường thương mại biên giới cửa khẩu Trung Quốc**

### 3.1.3.1. *Vị trí kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới*

- Vị trí kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam

- Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam

- Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Triều Tiên

- Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Lào

- Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - các nước Nam Á

### 3.1.3.2. *Vị trí cửa hàng hóa trao đổi qua biên giới*

Như trên đã nêu, vị trí cửa khẩu gia nhập những Trung Quốc và có chung đường biên giới với nhiều quốc gia thuộc các châu lục khác nhau, nên cửa hàng hóa trao đổi qua biên giới cửa khẩu Trung Quốc với các nước có mạng lưới cửa khẩu các quốc gia khác.

a) Cửa hàng hóa trao đổi cửa khẩu Trung Quốc với Việt Nam

b) Cửa hàng hóa trao đổi cửa khẩu Trung Quốc với Việt Nam

c) Cửa hàng hóa trao đổi cửa khẩu Trung Quốc với Triều Tiên

### 3.1.3.3. *Chất lượng cửa hàng hóa trao đổi qua biên giới*

Như đã nêu trên, chủ trương hàng hóa trao đổi của Trung Quốc với các nước láng giềng tùy thuộc vào nhu cầu của từng nước khác.

#### *3.1.3.4. Về phương thức trao đổi qua biên giới*

Phương thức trao đổi sản phẩm là chủ yếu chuyển dần sang dạng các hình thức hiện, như thương mại biên giới, gia công thương mại hay hình thức chuyển nhượng thương mại.

#### *3.1.3.5. Phát triển dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới*

Dịch vụ hỗ trợ thương mại tại các cửa khẩu biên giới của Trung Quốc đã có thị trường và hoạt động rất hiệu quả như những vấn đề chính sách mở cửa trung ương và các địa phương.

### **3.2. Phát triển thương mại biên giới của Thái Lan**

#### **3.2.1. Tiềm năng và ưu tiên phát triển thương mại biên giới của Thái Lan**

Thái Lan sở hữu lợi thế vị trí địa chính trị ngã ba khu vực Đông Nam Á, rất thuận lợi cho việc thiết lập trao đổi thương mại qua biên giới của Thái Lan với các nước láng giềng.

phát triển giao thương với các nước láng giềng, giao thông vận tải quốc tế của Thái Lan có sự đóng góp chủ yếu. Trong đó có một phần đáng kể thuộc về Lào. Đây cũng là một thuận lợi giúp cho hàng hóa của Thái Lan rút ngắn đáng kể khoảng cách không gian đến những thị trường chủ yếu của khu vực này. Điều này giúp cho hàng hóa của Thái Lan tránh được hàng rào của Thái Lan.

#### **3.2.2. Chính sách phát triển thương mại biên giới của Thái Lan**

Thứ nhất, chính phủ Thái Lan đã đặt mục tiêu tăng cường và giá trị thương mại qua biên giới và giao thương quốc tế như một liên kết bất phân biệt phát triển kinh tế các nước trong khu vực GMS.

Thứ hai, thiết lập các cách hoạt động thương mại biên giới dựa vào hình thức tiêu chuẩn quốc tế nhằm giảm thiểu quy định thương mại biên giới, cải thiện môi trường cạnh tranh, cũng như hỗ trợ phát triển thương mại của các nước láng giềng.

Thứ ba, xây dựng chính sách hợp tác kinh tế tiểu vùng sông Mekong với mục tiêu giảm bớt các rào cản thương mại, cải thiện môi trường kết nối giao thông và nâng cấp cửa khẩu chính.

Thứ tư, thúc đẩy ký kết các hiệp định nông nghiệp với các nước lân cận tăng cường cung nguyên liệu cho các ngành công nghiệp và nông nghiệp trong khu vực biên giới cũng như khu vực bên trong Thái Lan.

*Thứ năm*, tích cực đàm phán và chốt thương mại qua các nhà (tạm nhập tái xuất) và các nước Lào, Myanmar và Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho thông đồng chuyển hàng hóa cá thể trên các nước lân cận trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á,

*Thứ sáu*, tiếp song phôi, các mô hình thương mại qua biên giới Việt - Trung - Lào.

### **3.2.3. Thương mại phát triển thương mại biên giới cá thể Thái Lan**

Trong những năm gần đây, thương mại qua biên giới không chính thức (còn gọi là phi mậu dịch) cá thể Thái Lan có chỉ số hàng năm là do nấc cá thể chính phủ nhằm giảm thiểu thương mại chính thức.

#### **3.2.3.1. Vai trò của quy mô và kim ngạch kim ngạch xuất nhập khẩu**

##### **a) Kim ngạch xuất nhập khẩu và Lào**

*Vai trò của kim ngạch xuất khẩu:* Thương mại xuất khẩu qua biên giới cá thể Thái Lan sang Lào hàng năm đạt 21%. Trong đó, cá thể khu Nongkhai chiếm gần 1/2 tổng giá trị xuất khẩu. Nongkhai cá thể là cá thể mua sắm bán lẻ và bán buôn nội địa giáp biên giới và Lào, chủ yếu là cá thể dân thành phố Viên Chăn khi họ chuyển cá thể qua cá thể trên sông Mê Kông.

*Vai trò của kim ngạch nhập khẩu:* Thương mại nhập khẩu qua biên giới cá thể Lào trung bình hàng năm vào khoảng 19%, cá thể xem là phù hợp nếu so sánh với quy mô dân số cá thể này vào khoảng 5 triệu.

##### **b) Kim ngạch xuất nhập khẩu và Cam-pu-chia**

Theo cá thể quan Thái Lan, cá thể tính riêng năm 2015, cá thể thương mại cá thể kim ngạch giao dịch qua biên giới cá thể Thái Lan và Cam-pu-chia đã tăng 20,80% so với năm 2014. Trong giai đoạn 2005 - 2015, kim ngạch thương mại biên giới cá thể Thái Lan và Cam-pu-chia tăng bình quân 15,7%/năm.

*Vai trò của kim ngạch xuất khẩu:* Kim ngạch xuất khẩu qua biên giới cá thể Thái Lan sang Cam-pu-chia tăng mạnh từ 50 triệu USD năm 1996 lên 2,5 tỷ USD năm 2015 và mức tăng trưởng trung bình hàng năm là 30,17%.

*Vai trò của kim ngạch nhập khẩu:* Xét về kim ngạch, tổng giá trị hàng nhập khẩu qua biên giới cá thể Cam-pu-chia tăng từ 41 triệu đô la Mỹ năm 1996 lên 590 triệu đô la Mỹ trong năm 2015 và mức tăng trưởng trung bình hàng năm vào khoảng 25%.

##### **c) Kim ngạch xuất nhập khẩu và Myanmar**

*V kim ng ch xu t kh u:* Th p k g n ây, t ng tr ng xu t kh u qua biên gi i hàng n m r t rĩ nét, vào kho ng 32%.

*V kim ng ch nh p kh u:* Giá tr nh p kh u qua biên gi i t Myanmar trong giai o n 2005-2009 tuy t ng tr ng ch m nh ng u.

*d) Kim ng ch xu t nh p kh u v i Malaysia*

Xét v kim ng ch th ng m i qua biên gi i, tính t n m 1996, n 2015, t ng kim ng ch trao i qua biên gi i c a Thái Lan v i Malaysia t ng t 0,82 t USD lên 22,2t USD, chi m 56,66% t ng giá tr th ng m i biên gi i v i b n n c láng gi ng.

*e) Kim ng ch xu t nh p kh u quá c nh v i Trung Qu c*

Thái Lan không có ng biên gi i chung v i Trung Qu c do ó, th ng m i xuyên biên gi i c a Thái Lan v i Trung Qu c c th c hi n ch y u theo hình th c quá c nh t i các c a kh u trên kh p c n c.

*3.2.3.2. C c u m t hàng trao i*

Các m t hàng c a Thái Lan xu t kh u qua biên gi i sang các n c láng gi ng ch y u là cao su và các s n ph m cao su, xe ô tô và ph tùng xe ô tô, linh ki n máy tính và nhiên li u diesel, u ng không c n, các lo i trái cây t i và ông l nh, ng c và m ch i n và các lo i hàng hóa tiêu dùng khác.

*3.2.3.3. V ph ng th c trao i*

Hi n nay, thông qua ng biên gi i r ng m , ng i dân Cam -pu-chia v n ang tìm n Thái Lan mua các s n ph m tiêu dùng. Nh ng ng i v t qua biên gi i sang Cam -pu-chia ngày càng t ng v s l ng. Chính vì v y, chính ph Thái Lan ã t ng c ng qu n lý và ki m soát xu t nh p c nh.

*3.2.3.4. Ch t l ng hàng hóa trao i qua biên gi i*

Nh ã nêu trên, hàng hóa trao i qua biên gi i Thái Lan t i các n c láng gi ng, l thu c l n vào ngu n nguyên li u có tính ch t vùng mi n. H u h t các s n ph m công nghi p khác u c s n xu t t i các vùng khác c a t n c và t mi n Nam Thái Lan, nên ch t l ng s n ph m không cao, nh ng l i phù h p v i dân c biên gi i.

*3.2.3.5. V phát tri n các d ch v h tr th ng m i biên gi i*

Th ng m i biên gi i c a Thái Lan v i các n c lân c n c h tr b i h th ng Logistics trong khu v c GMS. H th ng này c coi là ngành c bi t quan tr ng thúc y t ng tr ng kinh t và

hình p khu v c c a Thái Lan. C ng là m t ngành kinh t , logistics (thông qua c i thi n hi u su t và gi m chi phí) là m t thành t quan tr ng cho c nh tranh qu c t . "M t h th ng logistics k t n i là i u ki n tiên quy t cho tính c nh tranh c a hàng hóa".

### **3.3. Phát tri n th ng m i biên gi i c a M**

M có chung biên gi i trên t li n v i Canada và Mexico và chung biên gi i trên bi n v i CHLB Nga. Tuy nhiên, c n c theo gi i h n c a ph m vi nghiên c u, Lu n án ch nghiên c u quan h th ng m i biên gi i c a M v i Canada và Mexico trên t li n.

#### **3.3.1. Ti m n ng và i u ki n phát tri n th ng m i biên gi i c a M**

i v i Canada, M là qu c gia láng gi ng có th ng m i song ph ng l n nh t trên th gi i (Maho, Khan, & Anderson, 2016).

i u này m t ph n là do M và Canada có ng biên gi i chung dài nh t trên th gi i, có ngôn ng chung và có nhi u i m t ng ng v trình phát tri n kinh t , chính t , v n hoá kinh doanh.

Bên c nh Canada, Mexico là i tác th ng m i quan tr ng b c nh t c a M nh vào ng biên gi i chung dài 3169 km gi a hai qu c gia.

#### **3.3.2. Chính sách phát tri n th ng m i biên gi i c a M**

Phát tri n th ng m i biên gi i c chính ph M luôn quan tâm. Chính vì v y, trong th i gian qua, chính ph M luôn th c thi nhi u chính sách nh m thúc y th ng m i biên gi i.

- Ký k t và th c hi n các Hi p nh th ng m i t do
- T ng c ng h p tác song ph ng nh m thúc y s phát tri n c a th ng m i biên gi i

- Sáng ki n h p tác s n xu t chung khu v c biên gi i M - Mexico

- Phát tri n c s h t ng, ngu n nhân l c ph c v phát tri n th ng m i biên gi i

#### **3.3.3. Th c tr ng phát tri n th ng m i biên gi i c a M**

##### **3.3.3.1. V kim ng ch xu t nh p kh u hàng hóa**

###### **a) Kim ng ch xu t nh p kh u hàng hóa v i Canada**

K t sau s ki n 11/9, M thay i m c tiêu chính sách th ng m i biên gi i và áp đ ng thêm các ch ng trình an ninh t i biên gi i v i Canada ã làm cho th ng m i biên gi i gi a hai n c gi m m nh trong giai o n 2001-2002. Giai o n 2003-2008, th ng m i biên gi i gi a hai n c gia t ng tr l i, sau ó l i gi m vào n m

2009 do tác động của cú sốc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Từ năm 2010 đến 2014, thương mại hai chiều của Mỹ và Canada tăng trưởng mạnh mẽ và đạt 667 tỷ USD năm 2014. Hai năm gần đây, năm 2015 và 2016, tổng kim ngạch thương mại hai chiều của Mỹ với Canada suy giảm xuống khoảng 581 tỷ USD (năm 2015) và 551 tỷ USD (năm 2016).

#### *b) Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa với Mexico*

Trong thương mại giữa Mỹ và Mexico, thương mại biên giới đóng vai trò chủ yếu với gần 80% kim ngạch xuất nhập khẩu của Mexico sang Mỹ và khoảng 60% kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ sang Mexico diễn ra chủ yếu qua biên giới đất liền mỗi ngày (Figueroa, Lee & Schoik 2012). Thương mại biên giới giữa Mỹ và Mexico có xu hướng gia tăng nhanh chóng trong thời gian gần đây. Theo số liệu của Bộ Thương mại Mỹ, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của 04 bang biên giới của Mỹ sang Mexico tăng từ 72,89 tỷ USD lên 99,13 tỷ USD năm 2010 và 130,2 tỷ năm 2015.

#### *3.3.3.2. Về các ngành hàng hóa trao đổi qua biên giới*

##### *a) Các ngành hàng hóa trao đổi với Canada*

Về các ngành hàng hóa buôn bán qua biên giới, vào thế kỷ XVIII và XIX, Mỹ chủ yếu xuất nhập khẩu sang Canada các sản phẩm công nghiệp, trong khi Canada xuất nhập khẩu sang Mỹ tài nguyên và hàng nông sản. Hiện nay, Mỹ và Canada chuyển sang buôn bán với nhau hàng hóa trung gian, trong đó chủ yếu là các thiết bị và phụ tùng ô tô, máy bay, máy móc thiết bị

##### *b) Các ngành hàng hóa trao đổi với Mexico*

Những mặt hàng xuất nhập khẩu chính qua biên giới của Mỹ sang Mexico bao gồm: Máy móc, máy tính, internet, thiết bị in, ô tô và phụ tùng; sản phẩm dầu mỏ, chất dẻo và hóa chất; kim loại cơ bản và sản phẩm kim loại chế tạo; thực phẩm, thuốc và thuốc lá ...

#### *3.3.3.3. Về chất lượng hàng hóa trao đổi qua biên giới*

Như đã nêu trên, các sản phẩm thương mại biên giới trao đổi của Mỹ với Canada và Mexico chủ yếu nhất chính là nhóm máy móc; máy tính; thiết bị in và internet; ô tô và phụ tùng. Đây là những mặt hàng yêu cầu về chất lượng và hàm lượng công nghệ cao. Chính vì vậy, những mặt hàng này của Mỹ, Canada và Mexico kiểm soát khá chặt chẽ về tiêu chuẩn chất lượng.

#### *3.3.3.4. Phương thức trao đổi hàng hóa qua biên giới*

Phong trào trao đổi qua biên giới giữa Mỹ - Canada và Mỹ - Mexico chủ yếu chủ yếu có thể hình thành qua hình thức xuất nhập khẩu trực tiếp. Mỹ sang Canada và Mỹ sang Mexico và ngược lại.

#### 3.3.3.5. *Vdchv h tr th ng m i biên gi i*

Hơn một nửa hàng hoá buôn bán giữa biên giới Canada và Mỹ chủ yếu chuyển bằng xe tải qua các cửa khẩu biên giới.

### 3.4. **Ánh giá, so sánh và chính sách phát triển thương mại biên giới của Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ**

#### 3.4.1. *Nh ng i m chung*

*Thứ nhất*, các quan điểm, chính sách và chương trình hợp tác biên giới của các nước chủ yếu qua thương mại, phù hợp với mục tiêu hợp tác và tình hình thực tiễn của thương mại biên giới giữa hai nước, cũng như bối cảnh trong nước và quốc tế.

*Thứ hai*, chính phủ các nước Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ đều có quan điểm chung về việc quản lý thương mại biên giới.

*Thứ ba*, coi trọng hợp tác qua biên giới cũng là một điểm chung trong chính sách phát triển thương mại biên giới của các nước này.

*Thứ tư*, tầm quan trọng của các hội thảo cho hoạt động thương mại biên giới cũng như các quốc gia: Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ nhận thức rõ và coi đó là ưu tiên tiên quyết cho phát triển thương mại biên giới.

*Thứ năm*, hoạt động thương mại biên giới không chỉ là một hoạt động riêng lẻ mà thông qua liên kết với các quốc gia phòng, an ninh, cũng như chính sách phát triển quốc gia trong vùng và trong khu vực, cũng như trong quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng.

*Thứ sáu*, trong chính sách phát triển thương mại biên giới, các nước Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ đều nhận thức tính đa dạng, phong phú của nội dung hợp tác kinh tế qua biên giới.

#### 3.4.2. *Nh ng i m c thù*

Bên cạnh những điểm chung trong chính sách phát triển thương mại biên giới của các nước Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ, có những khác biệt về thể chế chính trị, vị trí địa lý, xã hội và kinh tế, nên chính sách phát triển thương mại biên giới của các nước nêu trên đều có những nét đặc thù riêng.

##### 3.4.2.1. *Việt Nam và Trung Quốc*

*Thứ nhất*, do có phạm vi không gian rộng lớn, cùng với những biên giới rất dài với nhiều quốc gia, nên chính phủ Trung Quốc đã chú trọng phân quyền phân quyền quản lý thương mại biên giới cho

các địa phương vùng biên giới. Chính sách này, một mặt sẽ giúp cho chính phủ Trung Quốc giảm bớt gánh nặng quản lý, mặt khác chính quyền địa phương vùng biên giới sẽ chủ động hơn trong quản lý thương mại biên giới, thông qua những cơ chế, chính sách quản lý cửa khẩu và sát vệ biên giới kinh tế nội địa tại khu vực.

*Thứ hai*, thực hiện chính sách thương mại quốc tế cửa khẩu biên giới một cách thông xuyên, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển kênh phân phối hàng hóa trên các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và hải đảo... Trong những năm qua, Trung Quốc đã hỗ trợ phát triển TMBG Bắc Triều Tiên bằng cách thực hiện chính sách thương mại quốc tế Trung Quốc - Bắc Triều Tiên hàng năm giao lưu văn hóa và thúc đẩy phát triển du lịch.

#### 3.4.2.2. *Việt Nam và Thái Lan*

Chính phủ Thái Lan rất coi trọng vị trí mà Bộ quy định cho các thương nhân trong các hoạt động kinh doanh và các nhà lãnh đạo địa phương. Qua đó, hạn chế tình trạng thông xuyên bất hợp pháp do ép giá, ép chốt lợi nhuận hoặc bỏ qua do phải thu cống phí vào biên giới từ phía chính quyền các nhà lãnh đạo địa phương.

#### 3.4.2.3. *Việt Nam và Mexico*

Thúc đẩy phát triển thương mại biên giới giữa Mexico và Việt Nam và Canada, chính phủ Mexico đã tăng cường các sáng kiến hợp tác sản xuất chung tại khu vực biên giới. Ủy ban ký kết các Hiệp định thương mại tự do, tạo nền tảng pháp lý cho sự phát triển cửa khẩu thương mại biên giới.

## CHƯƠNG 4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI VÀ MÔ TẢ HÀM Ý VIỆT NAM

### 4.1. Mô tả bài học kinh nghiệm rút ra từ việc phân tích phát triển thương mại biên giới của các nước

#### 4.1.1. *Những bài học thành công*

*Thứ nhất*, các nước Thái Lan, Trung Quốc và Myanmar thành lập các Ủy ban Thương mại Biên giới để quy định các rào cản và thủ tục hay triển khai thi công – thực hiện các bên liên quan.

*Thứ hai*, các quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc và Myanmar quan tâm đến vấn đề an ninh chính trị và chủ quyền tại khu vực biên giới nhằm xây dựng “mặt biên giới an toàn và an ninh và hữu dụng KT”.

*Thứ ba*, các nước như Trung Quốc, Myanmar thành lập các khu kinh tế đặc biệt hoặc các khu kinh tế phù hợp với từng vùng.

*Thứ tư*, Chính phủ các nước Trung Quốc, Thái Lan và Myanmar thực hiện phân quyền cho chính quyền các cấp.

*Thứ năm*, trong việc hoạch định chính sách phát triển thương mại biên giới, các nước Thái Lan, Trung Quốc và Myanmar nhấn mạnh tính bền vững và chủ động áp dụng vùng biên giới.

*Thứ sáu*, việc xây dựng luật và quy định biệt danh riêng cho hoạt động thương mại biên giới của chính phủ các nước Trung Quốc, Thái Lan và Myanmar.

*Thứ bảy*, việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng là ưu tiên quy định cho sự phát triển của giao thương, buôn bán giữa hai bên.

#### 4.1.2. *Những bài học chưa thành công*

*Thứ nhất*, ở Việt Nam: việc có hệ thống thủ tục thương mại biên giới theo tiêu chuẩn hóa và kết nối hạ tầng yếu kém nên cần sự phát triển của hạ tầng dịch vụ phía các nước GMS.

*Thứ hai*, ở Việt Nam: Mặc dù thương mại biên giới Trung – Nga có chủ quyền tốt và phát triển song bên cạnh đó vẫn còn tồn tại không ít những vấn đề kinh tế.

*Thứ ba*, ở Việt Nam. Các biện pháp an ninh đã dẫn đến gia tăng thời gian chờ đợi các xe tải hàng hóa thương mại đi qua biên giới giữa hai nước; tăng chi phí ở Việt Nam các doanh nghiệp như chi phí hải quan, chi phí môi giới, chi phí hành chính cho kiểm tra hàng hóa;

c n tr lu ng di chuy n con ng i và làm gi m n ng su t kinh t trong th ng m i gi a hai n c t i biên gi i.

## **4.2. Khái quát v phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

### **4.2.1. Chính sách phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

#### **4.2.1.1. Quan i m c a ng và Nhà n c Vi t Nam v phát tri n th ng m i biên gi i**

- Vi c phát tri n TMBG c ng n m trong ch tr ng, chính sách m c a và h i nh p kinh t qu c t c a ng và Nhà n c Vi t Nam.

- Bên c nh vi c ng b v i phát tri n h th ng h t ng, ng, Chính ph Vi t Nam c ng ã ban hành ng b các c ch , chính sách th ng m i biên gi i Vi t Nam - Trung Qu c, Vi t Nam - Lào, Vi t Nam - Cam-pu-chia.

- Ký k t và tri n khai có hi u qu Hi p nh th ng m i biên gi i Vi t Nam - Trung Qu c, Hi p nh th ng m i biên gi i Vi t Nam – Lào; Hi p nh th ng m i biên gi i Vi t Nam – Cam-pu-chia.

#### **4.2.1.2. Chính sách c a Vi t Nam v phát tri n th ng m i biên gi i**

- Chính sách v h t ng k thu t và th t c hành chính

- Phát tri n các d ch v kho bãi, giao nh n, v n chuy n

## **4.2.2. Ti m n ng và i u ki n phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

### **4.2.2.1. Ti m n ng phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

Vi t Nam có chung ng biên gi i t li n v i ba n c là Trung Qu c, Lào và Cam-pu-chia.

Nhìn chung, ti m n ng phát tri n th ng m i biên gi i trên t li n c a Vi t Nam v i các n c láng gi ng t ng i l n. Tuy nhiên, khai thác c ti m n ng nêu trên, c n ph i áp ng m t s i u ki n nh t nh.

### **4.2.2.2. i u ki n phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

- V khung kh pháp lý và chính sách v mô

- V c s h t ng cho phát tri n th ng m i biên gi i

- V ngu n hàng ph c v xu t kh u

- V quan h c a Vi t Nam v i các n c láng gi ng

## **4.2.3. Th c tr ng phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam v i các n c láng gi ng**

### **4.2.3.1. Quy mô và kim ng ch xu t nh p kh u hàng hóa qua biên gi i**

a) *Tăng cường kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của Việt Nam và Trung Quốc*

Trong thời gian qua, kim ngạch trao đổi hàng hóa trên toàn tuyến biên giới đất liền của Việt Nam liên tục tăng. Trong đó, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam và kim ngạch mua bán song phương duy trì ở mức tăng liên tục.

b) *Tăng cường kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của Việt Nam và Lào*

Hoạt động thương mại biên giới hai nước trong những năm qua có những tín hiệu tích cực. Hai nước trao đổi khối lượng hàng nông lâm sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng và nhu yếu phẩm, nhiên liệu, vật tư cần thiết cho sản xuất trong nước và xuất khẩu.

c) *Tăng cường kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của Việt Nam và Campuchia*

Trong những năm gần đây, hoạt động thương mại và xuất nhập hai nước đã có những bước phát triển tích cực, đã tạo ra cơ sở môi trường pháp lý thuận lợi và nhu cầu, dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp và hàng hóa của nhau.

4.2.3.2. *Các cửa khẩu hàng xuất nhập khẩu qua biên giới*

- Các cửa khẩu hàng xuất nhập khẩu và Việt Nam
- Các cửa khẩu hàng xuất nhập khẩu và Lào
- Các cửa khẩu hàng xuất nhập khẩu và Campuchia

4.2.3.3. *Chức năng hàng hóa trao đổi qua biên giới*

Do nhu cầu về hàng hóa trao đổi tại các cửa khẩu của Việt Nam và các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia có sự khác nhau, nên chức năng hàng hóa trao đổi cũng có sự khác nhau ở từng vùng và vị trí từng khu vực của cửa khẩu của Việt Nam và từng nước.

4.2.3.4. *Phân ngành trao đổi hàng hóa qua biên giới*

Nhìn chung, trong thời gian qua, thương mại biên giới Việt Nam – với các nước láng giềng có tiến hành theo nhu cầu phân ngành (chính ngạch, buôn bán qua biên giới, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, trao đổi hàng hóa giữa các dân biên giới hai nước).

4.2.3.5. *Vấn đề phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển thương mại biên giới*

- Dịch vụ công
- Dịch vụ hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận và thâm nhập thị trường

c) Dịch vụ vận tải, logistics

- Dịch vụ lao động

- Th c tr ng d ch v tài chính, tỉ n t

#### **4.2.4. Nh ng thu n l i và khó kh n trong phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

##### **4.2.4.1. Nh ng thu n l i trong phát tri n th ng m i biên gi i**

*M t là*, các a ph ng trên các tuy n vành ai biên gi i u có trình phát tri n kinh t t ng ng nhau.

*Hai là*, Vi t Nam m t m t, ang th c thi chính sách kinh t m , t ng c ng các m i quan h song ph ng và a ph ng, m t khác c ng ang tích c c h i nh p.

*Ba là*, Trung Qu c là th tr ng l n, trong quá trình công nghi p hóa, hi n i hóa, nhu c u nh p kh u s t ng nhanh.

*B n là*, tỉ m n ng v dụ l ch c a các t nh biên gi i là m t l i th .

##### **4.2.4.2. M t s khó kh n trong phát tri n th ng m i biên gi i**

- Vùng biên gi i ch y u là các t nh nghèo, còn ch m phát tri n so v i m c trung bình c a c n c.

- Tỉ m n ng phát tri n n n công nghi p c a các t nh biên gi i ch y u là công nghi p khai thác và ch bi n khoáng s n.

- H n ch v tỉ m l c phát tri n th tr ng, th ng m i c a các t nh biên gi i c ng n m trong chính l i th v v trí a lý, trên ph ng di n l i ích cho th ng m i hai bên.

#### **4.2.5. ánh giá s phát tri n th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

##### **4.2.5.1. Nh ng k t qu tích c c**

*Th nh t*, v kim ng ch xu t nh p kh u qua biên gi i.

*Th hai*, v c c u hàng hóa trao i qua biên gi i

*Th ba*, v ch t l ng hàng hóa trao i qua biên gi i.

*Th t*, v ph ng th c trao i qua biên gi i.

*Th n m* v phát tri n d ch v h tr th ng m i biên gi i

##### **4.2.5.2. H n ch và nguyên nhân**

*Th nh t*, v t ng tr ng kim ng ch xu t, nh p kh u qua biên gi i.

*Th hai*, c c u hàng hoá xu t kh u qua biên gi i.

*Th ba*, ch t l ng c a hàng hóa trao i qua biên gi i.

*Th t*, ph ng th c m u d ch.

*Th n m*, các d ch v cung c p.

### **4.3. M t s hàm ý v chính sách nh m thúc y s phát tri n c a th ng m i biên gi i c a Vi t Nam**

#### **4.3.1. Nhóm chính sách nh m t ng quy mô và kim ng ch hàng hóa trao i qua biên gi i**

*a) i v i c quan qu n lý v mô*

*Th nh t*, chính ph Vi t Nam c n ch o tri n khai m t cách có hi u qu các Hi p nh th ng m i biên gi i ã ký k t.

*Th hai*, t ng c ng h p tác kinh t qua biên gi i.

*Th ba*, Vi t Nam c n y m nh vi c phát tri n các khu kinh t c a kh u, h ng t i hình thành các khu h p tác qua biên gi i.

*Th t*, có chính sách riêng v i t ng vùng, v n d ng linh ho t chính sách pháp lu t trong t ng i u ki n c th .

*Th n m*, trong vi c i u hành ho t ng th ng m i biên gi i,

*Th sáu*, xây d ng chính sách t o ngu n hàng

*Th b y*, có chính sách m r ng th tr ng và a d ng hóa m t hàng.

*Th tám*, i m i Ch ng trình xúc ti n th ng m i biên gi i theo h ng h tr thâm nh p và m r ng th tr ng .

*Th chín*, ut , nâng c p c s h t ng.

*Th m i*, xây d ng c ch cung c p thông tin cho th ng nhân và c dân biên gi i.

*b) i v i c quan qu n lý các a ph ng vùng biên gi i*

*c) i v i các doanh nghi p tham gia ho t ng th ng m i biên gi i*

#### **4.3.2. Nhóm chính sách phát tri n các d ch v h tr th ng m i biên gi i**

*Th nh t*, phát tri n d ch v kho bãi, giao nh n, v n chuy n.

*Th hai*, phát tri n d ch v h tr n ng l c ti p c n th tr ng.

*Th ba*, phát tri n d ch v cung c p thông tin.

*Th t*, y m nh d ch v qu ng cáo, tri n lām.

*Th n m*, y m nh các d ch v xúc ti n th ng m i.

*Th sáu*, phát tri n d ch v tài chính, ti n t và thanh toán.

*Th b y*, phát tri n d ch v tín d ng.

## K T L U N

Ho t ng th ng m i biên gi i là òn b y thức y kinh t - xã h i - an ninh qu c phòng trên nh ng a bàn tr ng y u c a t n c. V i l i th v trí g n k th tr ng l n nh Trung Qu c và n c b n Lào, Cam-pu-chia, Vi t Nam c n ph i n l c h n n a nh m huy ng m i ngu n l c và các i u ki n c n thi t t p trung phát tri n th ng m i biên gi i. i u này có ý ngh a r t l n trong b i c nh ch ng h i nh p qu c t ngày càng sâu r ng nh hi n nay Vi t Nam. Chính s phát tri n ho t ng th ng m i biên gi i t o kh n ng m r ng h p tác qu c t , t o môi tr ng an ninh thu n l i h n cho h p tác, trao i v n hóa thông tin gi a Vi t Nam v i các n c láng gi ng; Thúc y giao l u, trao i v n hóa gi a các vùng, mi n và gi a các khu v c giáp biên c a hai n c có chung biên gi i. T ó t ng c ng s hi u bi t, tin t ng l n nhau gi a c dân 2 bên biên gi i nói riêng và gi a Vi t Nam và các n c láng gi ng nói chung. V n ho ch nh h th ng các chính sách phát tri n TMBG c a Vi t Nam v i các n c có chung ng biên gi i, không ch là công vi c v m t lý lu n mà còn ph i phù h p v i c i m th c t c a c 3 tuyen biên gi i v i Lào, Cam-pu-chia và Trung Qu c. Vì v y, vi c ho ch nh chính sách, c ch phát tri n TMBG ph i bám sát theo quy nh c a WTO, vì Vi t Nam c ngo i tr m t s ho t ng buôn bán, trao i hàng hóa v i c dân biên gi i. Vi t Nam có th t n d ng các quy nh c a WTO cho phát tri n TMBG.

Bên c nh ó, kinh t các t nh biên gi i h u h t u nghèo, i s ng, i u ki n kinh doanh c a bà con các dân t c r t khó kh n. Chính sách phát tri n TMBG ph i kh c ph c c nh ng h n ch ó. V nguyên t c, chính sách do Nhà n c qu n lý th ng nh t. Không th có m t chính sách phù h p v i c i m c a c ba th tr ng biên gi i c và c ng khó có ba chính sách cho ba tuyen biên gi i Lào, Cam-pu-chia, Trung Qu c. Vì v y, c n có m t h chính sách, m t c ch tách b ch gi a Trung ng và a ph ng. Các b , ngành liên quan c n rà soát l i các chính sách, ph i xem xét n tính ng b - i u này r t quan tr ng trong vi c phát tri n kinh t , xã h i khu v c biên gi i.